

Bản án số: 123/2025/HS-PT
Ngày: 14/3/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: bà **Võ Thị Ngọc Dung**

bà **Phan Thị Vân Hương**

- **Thư ký phiên tòa:** bà **Đinh Thị Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 542/2024/TLPT-HS ngày 17 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo **Lê Thị L** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2024/HS-ST ngày 07/9/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thị L - sinh ngày 16/6/1968 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: **thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: buôn bán gỗ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê S** và bà **Đinh Thị B**; có chồng: **Lê Văn H** (đã chết) và có 02 con (lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2006); tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giam ngày 06/6/2023. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo **Lê Thị L** theo chỉ định của Toà án: bà **Phạm Thị H1** - Luật sư của **Công ty TNHH MTV T** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Q**. Luật sư **Phạm Thị H1** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có gửi bản luận cứ bào chữa cho bị cáo **Lê Thị L**.

- Bị hại: ông **Nguyễn L1** - sinh năm 1959; nơi cư trú: **thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà **Lê Thị Lan A** - sinh ngày 02/3/2006; nơi cư trú: **thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị L làm nghề buôn bán gỗ, ông **Nguyễn L1** làm nghề thợ mộc và mua gỗ của **L** nên có mối quan hệ quen biết. Ngoài việc làm thợ mộc thì ông **L1** còn làm thầy cúng. Khoảng tháng 3/2020, **L** nhờ ông **L1** đến cúng đóng cọc để **L** xây nhà mới tại **thôn A, xã B, huyện B**. Đến khoảng tháng 10/2020, **L** đến nhà ông **L1** và nhiều lần điện thoại nói với ông **L1** là quá trình đi buôn bán gỗ có mua được một cục trầm nặng gần 07kg của người dân tại **huyện B**. **L** đã bán cục trầm đó cho một công ty tại Canada với giá tiền 01 tỷ đô la Mỹ, tiền **L** bán trầm đã được chuyển về một ngân hàng quốc tế có trụ sở tại Quảng Ngãi nhưng cần phải có thêm số tiền hơn 3.000.000.000đồng để đóng thuế, để bồi dưỡng cho Công an kinh tế, bồi dưỡng cho nhân viên thuế và bồi dưỡng cho ông “Ngọc giám đốc”, ông “**M** trợ lý giám đốc” **ngân hàng Q** thì ngân hàng mới giải ngân cho **L** rút số tiền 01 tỷ đô la ra. **L** nói cần rút số tiền lớn này ra để xây nhà 5 tầng chứ đã cúng đóng cọc đến nay chưa có tiền xây, đồng thời nói với ông **L1** có tiền thì đưa cho **L** hoặc đi vay, mượn tiền đưa cho **L** làm thủ tục rút số tiền 01 tỷ đô la ra. **L** hứa sau khi xong việc sẽ cho ông **L1** hơn 1.000 tỷ đồng để ông **L1** xây nhà thờ tổ như mong muốn, giúp ông **L1** “đổi đời sung sướng” và để ông **L1** vừa trả nợ vừa cho thêm những người mà ông **L1** đã giúp vay, mượn tiền đưa cho **L**.

Tin tưởng **L** nói thật nên ông **L1** dùng tiền cá nhân, tiền vay của nhiều người và nhiều tổ chức tín dụng đưa cho **L** với tổng số tiền 1.380.000.000đồng. Vì chờ đợi quá lâu không thấy **L** làm thủ tục rút tiền, cho tiền như đã hứa nên ông **L1** nghi ngờ, điện thoại yêu cầu **L** viết giấy hoặc trả lại tiền nhưng **L** nói ông **L1** phải đưa thêm 20.000.000đồng “cho nó tròn số” thì **L** mới viết giấy. Ngày 21/7/2021, ông **L1** tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của **L**.

* Tại Kết luận giám định số 685/KLGD-PC09 ngày 06/10/2021 của **Phòng K Công an tỉnh Q** kết luận:

Máy điện thoại di động OPPO A3S, số Imei 1: 866531046564537, số Imei 2: 866531046564529, bên trong máy có gắn 01 thẻ sim Mobifone có dãy số: 8401200233464793 và một thẻ nhớ có dòng chữ 4GB Micro SD HC, dữ liệu trích xuất, xác định: trong ứng dụng cuộc gọi và tin nhắn có: 07 cuộc gọi đi, 03 cuộc gọi đến, không có dữ liệu tin nhắn có liên quan đến số thuê bao 0984344152.

- Số thuê bao của thẻ sim: +84762621540.
- Không tìm thấy dữ liệu trong thẻ sim.
- Không tìm thấy dữ liệu phục hồi.

Dữ liệu trong ứng dụng ghi âm cuộc gọi, xác định:

- Trong thẻ nhớ có dòng chữ 4GB Micro SD HC, có 13 tập tin ghi âm lưu trữ trong thẻ nhớ.

- Trong điện thoại di động có 21 tập tin lưu trữ trong bộ nhớ máy.

Toàn bộ 34 tập tin ghi âm lưu trữ trong bộ nhớ máy điện thoại và thẻ nhớ thể hiện tên bắt đầu là “Fen” tiếp sau đó là các dãy số của từng tập tin ghi âm. Kiểm tra tên lưu trữ trong danh bạ điện thoại có lưu tên “Fen, số điện thoại 0984344152” giống như tên bắt đầu của 34 tập tin ghi âm.

Toàn bộ nội dung trong các tập tin ghi âm liên quan đến nội dung yêu cầu giám định được trích thành văn bản và ghi ra đĩa DVD.

* Kết quả trả lời của Tập đoàn C - chi nhánh V và Công ty D khu vực 3:

- Chủ thuê bao di động của số điện thoại 0984344152 là Lê Thị L.

- Chủ thuê bao di động của số điện thoại 0974006148 là Nguyễn Lôi .

- Chủ thuê bao di động của số điện thoại 0762621540 là Phạm Lê Văn .1 Từ ngày 05/01/2021 đến ngày 21/7/2021 có 1.558 cuộc gọi đi, cuộc gọi đến giữa thuê bao 0762621540 và thuê bao 0984344152 (bút lục 278, 281, 283, 285).

Qua điều tra, ông Nguyễn Trọng H2 (sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; chủ cửa hàng Đ) khai: ông H2 bán cho ông Nguyễn L1 sim di động 0762621540 vào khoảng tháng 12/2020. Khi bán sim, ông H2 đã kích hoạt, đăng ký sẵn tên chủ thuê bao có tên trên.

* Kết luận giám định bổ sung số 1398/KL-KTHS ngày 01/11/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

- Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm thanh trong tệp âm thanh (nêu từ mục 1.1 đến 1.34) mẫu cần giám định;

- Tiếng nói của người đàn ông trong các tệp âm thanh mẫu cần giám định (nêu từ mục 1.1 đến 1.9; từ mục 1.11 đến 1.21; từ 1.23 đến mục 1.31; từ mục 1.33 và mục 1.34) và tiếng nói của Nguyễn L1 trong mẫu so sánh là của cùng một người (bút lục 197).

* Kết luận giám định số 1730/KL-KTHS ngày 24/4/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

- Tiếng nói của người phụ nữ tự xưng “em” trong các tệp âm thanh mẫu cần giám định (nêu từ mục 1.1 đến mục 1.9; từ mục 1.11 đến mục 1.21; từ mục 1.23 đến mục 1.31 và mục 1.33) và tiếng nói của Lê Thị L trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Không xác định được có tiếng nói của Lê Thị Lan A trong mẫu so sánh có trong tệp âm thanh mẫu cần giám định nêu ở mục 1.34 hay không do mẫu cần giám định có chất lượng kém.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2024/HS-ST ngày 07/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: **Lê Thị L** 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/6/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, trách nhiệm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/9/2024, bị cáo **Lê Thị L** kháng cáo kêu oan vì bị cáo không nhận tiền của ông **Nguyễn L1**, nói điện thoại với ông **Nguyễn L1** chỉ trao đổi làm ăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo **Lê Thị L** giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: tại Biên bản hỏi cung ngày 09/01/2024 và Biên bản đối chất ngày 13/11/2023, bị cáo **Lê Thị L** thừa nhận hành vi phạm tội nhưng sau đó không nhận tội. Mặc dù giữa bị cáo **L** và ông **Nguyễn L1** không nợ tiền nhưng ông **L1** đã chuyển khoản cho bị cáo số tiền 15 triệu đồng. Các file ghi âm thể hiện bị cáo **L** chiếm đoạt của ông **L1** số tiền 1.380.000.000đồng. Vì vậy, có cơ sở khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo **Lê Thị L** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Thị L**, giữ nguyên tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm.

- Luật sư **Phạm Thị H1** cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Lê Thị L** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội danh. Tuy nhiên, mức hình phạt 16 năm tù là quá nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: bị cáo **L** có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, chồng bị cáo **L** là ông **Lê Văn H** có nhiều thành tích trong quá trình công tác, để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo **L**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo **Lê Thị L**: tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Lê Thị L** không thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng xét án sơ thẩm xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan. Bởi lẽ:

[1.1] Căn cứ kết quả trả lời của **V** chi nhánh **Tập đoàn C**, **Công ty D**, lời khai nhận của bị cáo **Lê Thị L** và bị hại ông **Nguyễn L1** thì chủ thuê bao di động của

số điện thoại 0984344152 là bị cáo **Lê Thị L**, chủ thuê bao di động của số điện thoại 0974006148 là ông **Nguyễn L1**, đồng thời ông **Nguyễn L1** cũng là người sử dụng số điện thoại 0762621540 (do ông **Phạm Lê Văn L2** chủ thuê bao). Trong khoảng thời gian từ ngày 05/01/2021 đến ngày 21/7/2021 có 1.558 cuộc gọi đi, cuộc gọi đến giữa thuê bao 0762621540 và thuê bao 0984344152.

[1.2] Căn cứ Kết luận giám định số 685/KLGD-PC09 ngày 06/10/2021 của **Phòng K Công an tỉnh Q** kết luận: số thuê bao của thẻ sim 84762621540 trong ứng dụng ghi âm cuộc gọi có 34 tập tin ghi âm. Toàn bộ 34 tập tin ghi âm thể hiện tên bắt đầu là “Fen” tiếp sau đó là các dãy số của từng tập tin ghi âm. Kiểm tra tên lưu trữ trong danh bạ điện thoại có lưu tên “Fen, số điện thoại 0984344152 giống tên bắt đầu của 34 tập tin ghi âm. Tại Kết luận giám định bổ sung số 1398/KL-KTHS ngày 01/11/2022 và Kết luận giám định số 1730/KL-KTHS ngày 24/4/2023 của Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm thanh trong tệp âm thanh mẫu cần giám định, tiếng nói trong các tệp âm thanh mẫu đã giám định là của bị cáo **Lê Thị L** và của ông **Nguyễn L1**.

[1.3] Lời khai của bị cáo **L** tại cơ quan điều tra, Biên bản đối chất ngày 13/11/2023 giữa bị cáo **L** và ông **L1** thể hiện: bị cáo **L** đã thừa nhận có đưa ra thông tin gian dối với ông **L1**, hứa sẽ cho ông **L1** số tiền lên đến cả ngàn tỷ đồng để ông **L1** trả nợ cho những người mà ông **L1** vay mượn tiền để đưa cho bị cáo **L**; bị cáo **L** có nói chuyện qua điện thoại chốt số tiền mà bị cáo đã nhận của ông **L1** là 1.380.000.000đồng; bị cáo **L** có yêu cầu ông **L1** đưa thêm 20 triệu đồng, sau đó chỉ yêu cầu đưa thêm 10 triệu đồng thì bị cáo **L** sẽ viết giấy làm tròn tổng số tiền đã nhận cho ông **L1** là 1.400.000.000đồng, nhưng vì ông **L1** không còn khả năng vay mượn tiền thêm được nữa nên bị cáo **L** đã không viết giấy cho ông **L1**; bị cáo **L** còn khai nhận bị cáo có chốt số tiền “1 tỷ ba tám” là tiền bị cáo **L** đã nhận của ông **L1** để “chạy” rút số tiền 1 tỷ đô la từ **ngân hàng Q** ra. Những lời nói nêu trên của bị cáo **L** được ông **L1** ghi âm lại. Tại thời điểm nói những lời trên thì bị cáo **L** không biết việc ông **L1** ghi âm và bị cáo **L** nói chuyện qua điện thoại di động với ông **L1** trong trạng thái tự nhiên, không bị ai khống chế, ép buộc. Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 10/2020 đến tháng 7/2021, ông **L1** đã 17 lần nộp tiền vào tài khoản số 6530122070809 (qua dịch vụ ViettelPay) của bị cáo **L** mở tại **Ngân hàng thương mại cổ phần Q1** với tổng số tiền là 175.000.000đồng. Bị cáo **L** khai rằng ông **L1** trả nợ tiền cho bị cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đây là tiền trả nợ.

[2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: trong khoảng thời gian từ tháng 10/2020 đến tháng 7/2021, bị cáo **Lê Thị L** đã đưa ra thông tin gian dối với ông **Nguyễn L1** là mua được cục trầm và bán cho **công ty**

N1 được 1 tỷ USD. Bị cáo L hỏi mượn tiền của ông L1 để nộp thuế và các chi phí khác thì ngân hàng mới giải ngân. Tin lời bị cáo L nói là thật nên ông L1 đã nhiều lần đưa tiền cho bị cáo L bằng nhiều hình thức khác nhau, tổng cộng 1.380.000.000đồng và bị cáo L đã chiếm đoạt số tiền này của ông L1. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo L như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên tội danh của Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2024/HS-ST ngày 07/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[3] Do nội dung kháng cáo của bị cáo Lê Thị L không được chấp nhận nên bị cáo Lê Thị L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị L và giữ nguyên tội danh của Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2024/HS-ST ngày 07/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: Lê Thị L 16 (mười sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/6/2023.

2. Về án phí: bị cáo Lê Thị L phải chịu 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi (03);
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ngãi;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

- Công an tỉnh Quảng Ngãi (03);
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ngãi (03);
- Bị cáo (TTG tổng đạt cho bị cáo);
- Luật sư;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng (ĐTT).

Trần Thị Kim Liên